



TRƯỜNG TIỂU HỌC & THCS THĂNG LONG

PHIẾU BÀI MÔN TOÁN LỚP 2

Mã: 2703

Thời gian làm bài: 30 phút

Ngày.....tháng.....năm ...

Họ và tên:.....Lớp:.....

Nhận xét của giáo viên:.....

Ôn tập

Bài 1. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Số bị trừ là 96, số trừ là ba chục. Hiệu sẽ là:

- A. 70 B. 76 C. 60 D. 66

2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $18 - \dots = 9$

- A. 8 B. 7 C. 10 D. 9

3. Kết quả của phép tính: $17 - 8 = ?$

- A. 9 B. 8 C. 7 D. 6

4. Tổng của 6 và 7 là:

- A. 13 B. 14 C. 15 D. 16

5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $\dots - 5 = 9$

- A. 11 B. 12 C. 4 D. 14

6. Điền dấu thích hợp vào ô trống: $14 - 8$ $13 - 5$

- A. $>$ B. $<$ C. $=$ D. Chưa xác định

7. Tìm hiệu của hai số, biết rằng số bị trừ là số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau, số trừ là số lớn nhất có một chữ số.

- A. 2 B. 11 C. 13 D. 9

8. Số nào giảm đi 3 đơn vị rồi cộng với 5 đơn vị được 14.

- A. 8 B. 10 C. 12 D. 16

9. Lan có 12 cái nhãn vở, Hà có ít hơn Lan 3 nhãn vở. Hỏi Hà có bao nhiêu nhãn vở?

- A. 9 B. 6 C. 4 D. 15

10. Năm nay Bình 7 tuổi, anh Nam hơn Bình 4 tuổi. Hỏi năm nay anh Nam bao nhiêu tuổi

- A. 11 tuổi B. 10 tuổi C. 12 tuổi D. 13 tuổi

Bài 2. Tính nhẩm

$11 - 5 - 2 = \dots$

$13 - 5 - 3 = \dots$

$13 - 7 + 5 = \dots$

$14 - 5 - 3 = \dots$

$12 - 5 - 3 = \dots$

$12 - 7 + 7 = \dots$

$16 - 7 + 8 = \dots$

$12 - 7 + 6 = \dots$

$11 - 5 + 6 = \dots$

Bài 3: Từ ba chữ số 0, 2, 4 hãy viết tất cả các số có 2 chữ số khác nhau theo thứ tự từ bé đến lớn:

Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong các số trên là:

Bài 4. Chọn tất cả các số thích hợp điền vào ô trống

$$5 < 13 - \square < 9$$



Bài 5: Số?



Bài 6. Hiện nay tổng số tuổi của hai anh em là 15 tuổi. Hỏi cách đây 3 năm tổng số tuổi của hai anh là bao nhiêu?

Bài giải

.....

.....

Đáp số: ... tuổi

Bài 7. Rổ cam có 15 quả, rổ bưởi 9 có quả. Mẹ đã bán được một số cam và số bưởi bằng nhau. Hỏi sau khi bán rổ nào ít quả hơn và ít hơn bao nhiêu quả?

Trả lời: Sau khi bán rổ ít quả hơn và ít hơn quả.